

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Toán.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Khon;

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:*  
Viên kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không tham gia phiên tòa.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại Toà án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 276/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Phan Thị A.

*- Bị đơn:* Anh Trần Ngọc B.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã 1, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2017, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị A trình bày:

Chị và anh B tự tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 4, huyện 5, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 43 quyển số 01. Việc vợ chồng chung sống và kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay đe dọa. Sau khi chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cãi, lời qua tiếng lại dẫn đến bất đồng quan điểm, vào tháng 9/2017 anh B có hành vi bạo lực đối với chị, chị phải đi điều trị thương tích tại

bệnh viện huyện Thanh Bình. Nay chị không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Trần Ngọc C và Trần Phan Bảo D. Cháu C hiện nay chị đang nuôi dưỡng, cháu D từ nhỏ đến lớn sống với chị, cách nay khoảng hơn 01 tháng, anh B đem cháu về nuôi dưỡng, anh B không cho chị thăm nom con. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu đến trưởng thành, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung: Chị và anh B đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh B không nợ ai và không có ai nợ anh chị, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 03 tháng 11 năm 2017 và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Ngọc B trình bày:

Về tình cảm, về đăng ký kết hôn và về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh thống nhất như chị A trình bày. Nay anh không còn tình cảm với chị A nên thống nhất ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh và chị A có 02 con chung như chị A trình bày. Nay anh thống nhất giao cháu C cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu D anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị A đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị A không nợ ai và không có ai nợ anh chị, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất cùng nhau thuận tình ly hôn, sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận;

[2.2] Về con chung: Hiện nay chị A đang nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc S. Anh B đang nuôi dưỡng cháu Trần Phan Bảo D;

[2.3] Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn trình bày: Họ đều có thu nhập ổn định, có chỗ ở ổn định và có khả năng nuôi dưỡng các cháu đến trưởng thành, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Tại phiên tòa cháu Trần Ngọc C trình bày: Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được mẹ nuôi dưỡng, cháu Trần Phan Bảo D trình bày: Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được cha nuôi dưỡng.

[2.5] Căn cứ vào nhận định trên và theo nguyện vọng của các cháu, việc giao cháu Trần Ngọc C cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Trần Phan Bảo D cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

[2.6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Chị A và anh B không nợ ai và không ai nợ anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị A và anh Trần Ngọc B.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Ngọc C cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị A không có yêu cầu;

- Giao cháu Trần Phan Bảo D cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh B không có yêu cầu;

Chị A và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị A phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo

biên lai số: BO/2014 – 00669, ngày 03 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, chi A không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- UBND xã 4, H. 5, tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**Bùi Văn Toán**